TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 23/5/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đình Ghi;

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thuận là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 174 /2017/TLST-DS ngày 02/11/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 24/4/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 210/2018/QĐST-DS ngày 10/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim Ng, sinh năm 1973.

Địa chỉ: DVA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lương Thị Minh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ĐHT, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà Đặng Thị Kim Ng trình bày:**

Bà với bà Lương Thị Minh T có mối quan hệ bạn bè. Vào ngày 18/8/2016 bà Tâm có vay của bà số tiền 200.000.000đồng, mục đích vay để lo việc cho Xí nghiệp xây lắp X thuộc Công ty Ynơi bà T làm việc để đấu thầu, một tháng sau sẽ trả, vì tin tưởng bạn bè nên cho bà T vay. Đến hạn trả nợ bà có yêu cầu bà T trả nhưng bà T nói công trình đang thi công nên chưa có tiền trả. Nay Xí nghiệp xây lắp X đã giải thể và nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền, nhưng bà T không trả. Nên bà

yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay 200.000.000đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 19/12/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

*** Phía bị đơn – bà Lương Thị Minh T trình bày**: Giữa bà với bà Đặng Thị Kim Ng có mối quan hệ bạn bè thân với nhau. Có mối quan hệ vay mượn tiền, nên ngày 18/8/2016 bà có vay của bà Đặng Thị Kim Ng số tiền 200.000.000đồng, có làm giấy vay tiền vào ngày 18/8/2016, bà đã nhận 200.000.000đồng của bà Ng. Mục đích vay để lo việc cho công trình của Xí nghiệp xây lắp X thuộc Công ty Y, vay để trả tiền nhân công, vì lý do không có vốn để thanh toán nên bà vay ngoài để thanh toán tiền nhân công, nhưng Xí nghiệp xây lắp X làm ăn thua lỗ đã giải thể, nên số tiền nợ trên bà chịu trách nhiệm trả cho bà Ng. Do điều kiện kinh tế khó khăn, công việc chưa ổn định, nên chưa có tiền trả cho bà Ng. Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu bà trả nợ thì bà chấp nhận trả nợ cho bà Ng số tiền 200.000.000đồng, còn tiền lãi phát sinh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bà Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T trả số tiền vay 200.000.000đồng, tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà bà T thừa nhận có vay của bà Ng số tiền 200.000.000 đồng, nên đồng ý trả, nhưng do điều kiện hiện tại khó khăn nên không thể trả được một lần. Về tiền lãi chậm trả đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết Thẩm phán đã thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tiến hành hoà giải, lấy lời khai đúng theo quy định tại Điều 98, 205, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 305, 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326 ngày 10/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lương Thị Minh T phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 200.000.000đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 19/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lương Thị Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật: Vào ngày 18/8/2016 giữa bà Đặng Thị Kim Ng và bà Lương Thị Minh T có ký giấy vay tiền, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 18/8/2016 đến 18/9/2016. Như vậy giao dịch thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và có tranh chấp, nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết đối với vụ án này.

[2]. Vào ngày 18/8/2016 giữa bà Đặng Thị Kim Ng và bà Lương Thị Minh T có ký kết giấy vay tiền với số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 18/8/2016 đến 18/9/2016. Việc vay tiền để bà T lo việc riêng của bà cho Xí nghiệp xây lắp X nơi bà làm việc, bà đồng ý trả cho bà Ng số tiền vay vì việc vay là việc riêng cá nhân bà nên bà có trách nhiệm trả nợ cho bà Ng, bà không có ý kiến gì đối với Xí nghiệp xây lắp X. Nay bà Ng khởi kiện thì bà T cũng thừa nhận có ký kết giấy vay tiền này và đồng ý trả tiền cho bà Ng với số tiền vay là 200.000.000đồng, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng, buộc bà T phải trả cho bà Ng số tiền vay 200.000.000đồng.

[3]. Về tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 18/8/2016 thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất nên đây là hợp đồng vay không có lãi. Nay bà Ng có yêu cầu bà T trả lãi chậm trả từ ngày 19/12/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm hôm nay là ngày 23/5/2018, bà T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Ng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản thì mức lãi suất là 9%/năm, tính ra lãi suất ngày là 0,025%/ngày. Cụ thể thời gian chậm trả là 28 tháng 4 ngày, cụ thể là 844 ngày. Thành tiền cụ thể: 200.000.000đồng x 0,025%/ngày x 844 ngày = 42.200.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà T phải trả cho bà Ng là: 200.000.000đồng + 42.200.000đồng = 242.200.000đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí 242.200.000đồng x 5% = 12.110.000đồng. Trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ng số tiền 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003218 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim Ng. Buộc bà Lương Thị Minh T phải trả cho bà Đặng Thị Kim Ng số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, lãi chậm trả là 42.200.000đồng, tổng cộng là 242.200.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đặng Thị Kim Ng, nếu bà Lương Thị Minh T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Lương Thị Minh T phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Minh T phải chịu 12.110.000đồng (Mười hai triệu, một trăm mười nghìn đồng). Trả lại cho bà Đặng Thị Kim Ng số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003218 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Án xử sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi Hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.